

Bản án số: 80/2022/HS-ST
Ngày: 05-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÊ THỊ DIỄM**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **HUỖNH VĂN DŨNG**

Ông **QUÁCH TRUNG SƠN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **PHẠM THỊ KIM LIÊU** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **HUỖNH THỊ CẨM**- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **A**, sinh ngày 09/10/1983 tại tỉnh An Giang. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 03/12; Dân tộc: Chăm; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Hồi; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông M, sinh năm 1950 và bà A sinh năm 1955 (chết); Vợ Lê Thị B, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2007; Anh, chị em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại ấp P, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang, học đến lớp 03 nghỉ học, sinh sống tại ấp H xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho đến ngày phạm tội. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/4/2022 đến ngày 21/4/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C cho đến nay. (Bị cáo có mặt)

Bị hại:

Bà **Lê Thị T** sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.(Vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Anh **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

2. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp M xã A huyện C, tỉnh Tiền Giang.(Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

A là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 11 giờ ngày 18/4/2022, A điều khiển xe mô tô biển số 52L8 – 9890 lưu thông trên đường huyện lộ 71 hướng xã Mỹ Hội đi Quốc lộ 1 để tìm sắt vụn lượm bán, khi đi đến ấp M, xã A, huyện C thì phát hiện xe đạp điện hiệu Asama, màu xanh của bà Lê Thị T đậu bên hông nhà của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim L không người trông coi, chìa khóa còn cắm sẵn trên ổ khóa nên A nảy sinh ý định trộm cắp. Sau đó, A điều khiển xe mô tô cách nơi đậu xe đạp điện khoảng 1,2 km và đậu xe mô tô trên đường vào Nông trường 30/4 thuộc ấp A, xã A, huyện C, rồi đi bộ đến nơi để xe đạp điện, A lén lút lấy xe đạp điện và lên xe mở khóa khởi động điều khiển đi về hướng Quốc lộ 1 đi xã M được khoảng 500 mét thì bị ông Nguyễn Văn Đ cùng với anh Nguyễn Thành L (cháu ông Đ) phát hiện, truy đuổi bắt quả tang A cùng tang vật. Sau đó, anh L giao đối tượng cho Công an xã A giải quyết.

Bản kết luận định giá tài sản số 17/KLĐG-TTHS ngày 19/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cái Bè, xác định: 01 xe đạp điện hiệu Asama màu xanh mua năm 2017, trị giá 3.300.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe đạp điện hiệu Asama màu xanh dương;

- 01 cái áo thun tay ngắn, màu đen, có viền màu xanh lục ở cổ áo và cổ tay áo; 01 cái quần sọt, màu nâu, loại vải kaki, có 02 túi bên hông và 02 túi phía sau; 01 đôi dép loại xỏ ngón màu xám (đây là quần áo, dép A mặc lúc trộm cắp tài sản).

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 52L8-9890 nhãn hiệu ORIENTAI màu xanh: Kết quả điều tra chiếc xe mô tô trên do ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1958, nơi thường trú số 451/16B P, Phường 3, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, đứng tên giấy đăng ký xe đã bán lại cho một người không rõ họ tên địa chỉ cách nay khoảng 20 năm. Vào năm 2020 anh Y, sinh năm 1975, nơi thường trú ấp P, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang, là anh rể của A, mua lại chiếc xe trên của một người không rõ họ tên địa chỉ, sau đó giao cho A quản lý sử dụng đến nay.

Ngày 20/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả 01 xe đạp điện hiệu Asama màu xanh cho bị hại là bà Lê Thị T.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKSCB ngày 06/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố bị cáo A phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo A từ 06 đến 09 tháng tù. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên thực hành quyền công tố công bố bản cáo trạng truy tố bị cáo. Bị cáo A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã nêu như sau: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy. Vào khoảng 11 giờ ngày 18/4/2022, tại nhà của ông Nguyễn Văn Đ thuộc huyện lộ 71, ấp M xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, bị cáo A có hành vi lén lút trộm cắp xe đạp điện hiệu Asama màu xanh của bà Lê Thị T, sau đó bị bắt quả tang, giá trị tài sản chiếm đoạt là 3.300.000đồng. Nên có đủ cơ sở để kết luận bị cáo A đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương nơi xảy ra vụ án, gây tư tưởng hoang mang lo sợ việc trộm cắp tài sản trong nhân dân. Bị cáo nhận thức được rằng hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bản thân bị cáo là người trưởng thành, có sức khỏe mà không chí thú làm ăn để tạo thu nhập cho bản thân, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng nên bị cáo bất chấp tất cả thực hiện việc trộm cắp tài sản. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian rèn luyện bản thân để sớm hòa nhập cộng đồng và xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 (một) cái áo thun tay ngắn, màu đen, có viền xanh lục ở cổ áo và cổ tay áo; 01 cái quần sọt, màu nâu, loại vải kaki, có 02 túi bên hông và 02 túi phía sau và 01 đôi dép loại xỏ ngón màu xám đây là quần áo, dép bị cáo mặc lúc trộm cắp, bị cáo không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 52L8 - 9890 nhãn hiệu ORIENTAI màu xanh (hiện trạng xe không hỏng, không có kính chiếu hậu bên phải) là phương tiện cá nhân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị T đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố phía Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ vào các Điều 106, 135, khoản 2 Điều 136, 331, 332, 333 và 334 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo A 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 18/4/2022.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái áo thun tay ngắn, màu đen, có viền xanh lục ở cổ áo và cổ tay áo; 01 cái quần sọt, màu nâu, loại vải kaki, có 02 túi bên hông và 02 túi phía sau và 01 đôi dép loại xỏ ngón màu xám.

- Trả lại cho bị cáo A 01 xe mô tô biển số 52L8 - 9890 nhãn hiệu ORIENTAI màu xanh (hiện trạng xe không hỏng, không có kính chiếu hậu bên phải).

(Hiện các vật chứng này do Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/7/2022)

3. Về án phí:

Bị cáo A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Công an huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diễm

